

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 146/TTr-TNMT ngày 15/7/2015, Báo cáo thẩm định số 189/STP-BCTĐ ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 1389/2010/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các ông bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội đơn vị tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, CN-XDCB, Hà *ue*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày
18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **10** /2015/QĐ- UBND
ngày **23** tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Bản Quy định này quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 64/2014/QĐ- TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (Gọi tắt là Quyết định 64/2014/QĐ-TTg).

2. Những nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định trong bản Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (gọi tắt là Nghị định 47/2014/NĐ-CP); Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg; Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Quyết định 21/2014/QĐ-UBND); Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Quyết định 22/2014/QĐ-UBND) và theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, cơ quan quản lý Nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau khi tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; Tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất, bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các dự án thủy lợi, thủy điện;

3. Hộ gia đình, cá nhân sau khi tái định cư, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện dự án thủy lợi, thủy điện.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

Điều 3. Bồi thường về đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Hộ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất các dự án thủy lợi, thủy điện có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012, chuyển đến điểm tái định cư, nếu điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ từ 5 km trở lên thì xử lý như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, theo quy định hiện hành;

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không đề nghị thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ về phương tiện đi lại phục vụ sản xuất, hoặc xây dựng lán trại tại nơi sản xuất cũ, mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012, có khoảng cách từ nơi ở đến khu đất sản xuất dưới 5 km nhưng không có đường vào khu đất sản xuất đó thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất quyết định thu hồi đất. Việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Bồi thường về tài sản trên đất đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Hộ tái định cư có đất sản xuất bị thu hồi theo quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Bản quy định này được bồi thường về tài sản trên đất. Đơn giá bồi thường tài sản theo các quyết định về đơn giá tài sản hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi đất.

2. Hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi, tái sinh rừng (trừ rừng đặc dụng) có xây dựng lán trại với mục đích bảo vệ rừng, được bên giao khoán xác nhận; khi Nhà nước thu hồi đất mà có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã trong diện tích bị thu hồi có lán trại phục vụ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng thì được bồi thường về tài sản, mức bồi thường là 80% giá trị làm lán trại mới.

Điều 5. Hỗ trợ di chuyển người và tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

Trường hợp các hộ tái định cư tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ bằng tiền để tự vận chuyển, không làm đường tạm. Mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ.

Điều 6. Hỗ trợ sản xuất đối với hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Đối với hộ tái định cư: Hỗ trợ 03 năm kinh phí khuyến nông cho hộ tái định cư được giao đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo và đất khai hoang. Mức hỗ trợ cho 03 năm là 6.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, điểm tái định cư được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: 2.000 đồng/m² đất bị thu hồi.

- Các loại đất sản xuất nông nghiệp còn lại: 1.500 đồng/m² đất bị thu hồi.

Điều 7. Hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ tham quan điểm tái định cư, gồm: Chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan, theo hình thức Nhà nước tổ chức cho đại diện hộ tái định cư tham quan. Hỗ trợ một lần bằng tiền cho không quá 02 người/hộ gia đình, không quá 02 ngày cho 01 đợt tham quan điểm tái định cư gồm:

a) Hỗ trợ tiền tàu, xe đi và về theo mức giá vé tàu, vé xe thông thường của tuyến đường đi tham quan, khảo sát.

b) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tham quan, khảo sát tối đa 80.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ (nếu phải nghỉ qua đêm) tối đa không quá 150.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ: Các hộ di chuyển sớm hơn tiến độ yêu cầu (kể từ ngày nhận tiền bồi thường đến trước thời hạn thông báo phải bàn giao mặt bằng) được thưởng một lần bằng tiền. Mức thưởng là 5.000.000 đồng/hộ.

3. Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mò mà được hỗ trợ một lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống. Mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/mộ trong phạm vi đất bị thu hồi.

Điều 8. Quy định về hạn mức giao đất ở tại khu, điểm tái định cư tập trung theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Giao đất ở tại khu, điểm tái định cư

Hạn mức giao đất ở tại khu, điểm tái định cư bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 8 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND.

2. Giao đất sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân đến điểm tái định cư tập trung:

Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Bản quy định này mà không nhận tiền bồi thường và có đơn đề nghị được giao đất sản xuất, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quỹ đất của địa phương xem xét từng trường hợp quyết định giao đất sản xuất. Hạn mức giao đất sản xuất bằng hạn mức giao đất quy định tại Điều 10 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND.

Trường hợp địa phương nơi có đất không còn quỹ đất sản xuất để giao cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án thủy lợi, thủy điện thì thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND.

Điều 9. Hỗ trợ theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 16 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

1. Hỗ trợ mua giống vật nuôi:

Hộ gia đình, cá nhân sau khi tái định cư được hỗ trợ một lần là 10.000.000,00 đồng/hộ.

2. Hỗ trợ vay vốn:

Đối với hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo hiện hành, ngoài được hưởng các chính sách quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg còn được hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay tối đa là 50.000.000 đồng cho một hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm.

3. Hỗ trợ chi phí bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp:

Các hộ gia đình, cá nhân được giao đất trồng rừng sản xuất được hỗ trợ một lần bằng tiền, mức hỗ trợ để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng là 6.000.000 đồng/ha.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quy định chuyển tiếp.

Các dự án, hạng mục thuộc dự án thủy lợi, thủy điện đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định tại Quyết định này. Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của cấp huyện nơi có đất bị thu hồi

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn theo phân cấp và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức và chủ đầu tư xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành, tạo điều kiện cho các đối tượng bị thu hồi đất sớm ổn định cuộc sống.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành:

Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và các cơ quan có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn nội dung thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý được quy định tại bản quy định này.

3. Trách nhiệm chủ đầu tư:

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nơi có công trình để tổ chức thực hiện dự án có hiệu quả, đảm bảo kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ đầu tư công trình trong quá trình thực hiện dự án; kiểm tra, xác nhận tình trạng, nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện thu hồi đất; tuyên truyền vận động nhân dân tại địa phương chấp hành các quy định tại bản quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

5. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất (người bị thu hồi đất):

Người bị thu hồi đất, tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, Chủ đầu tư trong việc thống kê đất đai, tài sản trong phạm vi giải phóng mặt bằng công trình, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chuyển đến nơi tái định cư theo quy định và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



L. Thái Hải